TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 12– 2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đường
2. Ông Mai Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hồ Yến Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXX - ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1985

* Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Khu phố P, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, đến ngày 18/7/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị L, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, không chăm lo kinh tế trong gia đình. Từ năm 2020 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn anh Tòng uống rượu say về gây gỗ, đánh đập chị và đập phá đồ đạc nơi chị Hà buôn bán. Chị Hà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có sự tôn trọng đối với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Bá T.

Về con chung: Chị và anh T có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 01/02/2003 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 19/01/2009. Hiện hai con chung đang ở với anh T, chị Hà bận buôn bán nên để thuận tiện cho việc đi học và nuôi dưỡng cháu Yến nên khi ly hôn chị H yêu cầu giao cháu Yến cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Yến đủ 18 tuổi. Chị H không cấp dưỡng nuôi con, khi nào có điều kiện chị sẽ tự nguyện cho riêng các con. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Anh đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 9 năm 2021 bị đơn anh Nguyễn Bá T trình bày:

Anh và chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, đến năm 2018 đăng ký kết hôn UBND phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống anh thừa nhận vợ chồng có cãi vã nhau. Nguyên nhân xuất phát từ việc mâu thuẫn kinh tế trong gia đình. Anh đã nhiều lần khuyên nhủ, mong muốn vợ chồng hòa giải để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng chị H không đồng ý. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị H anh không đồng ý, vì anh vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh T và chị H có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 01/02/2003 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 19/01/2009. Nay ly hôn anh đồng ý nuôi dưỡng hai cháu Oanh và Yến và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng tHnh phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T và yêu cầu được giải quyết về con chung khi ly hôn. Do đó, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Bá T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bá T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, đến ngày 18/7/2018 cả hai đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Chị H và anh T đều thừa nhận trong thời gian chung sống đã xảy mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặt khác, trong quá trình Tòa án xác minh tại địa phương cũng xác nhận tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đúng như phía chị H và anh T đã trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014, cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 01/02/2003 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 19/01/2009. Chị H và anh T đều thống nhất giao cháu Yến cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương, anh T có công việc và nơi ở ổn định nên đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu Yến. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về con chung.

Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 19/01/2009 cho anh Nguyễn Bá T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Yến đủ 18 tuổi.

Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0007289 ngày 14/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TA,VKS tỉnh Bình Phước;
- CA, VKS TX. Phước Long;
- UBND P. B, tx. L,
T Bình Phước, (số 33 ngày 18/7/2018);
- Chi cục THA TX Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh